

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAI LẬY
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 210/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 31/8/2022.

V/v tranh chấp: “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Phan Thị Kim Thoa.**

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Huỳnh Văn Thanh;**
- Bà Nguyễn Thị Kim Hạnh.**

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Thùy Trang – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cai Lay.

Trong ngày 31 tháng 8 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cai Lay, tỉnh Tiền Giang mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 299/2022/TLST-HNGĐ ngày 17/5/2022 về tranh chấp: “Ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 179/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 25/7/2022 và quyết định hoãn phiên tòa số 147/2022/QĐST-HNGĐ ngày 09/8/2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Hà Thị Cẩm T, sinh năm 1987. (Có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp B, xã P, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

2. *Bị đơn:* Ông Phạm Thanh V, sinh năm 1988. (Vắng mặt)

HKTT: Ấp H, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Chỗ ở hiện nay: Hẻm 1127, tỉnh lộ 43, khu phố 2, phường B, thành phố T, Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai ngày 25/4/2022, trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Hà Thị Cẩm T trình bày:*

Tôi và ông Phạm Thanh V là vợ chồng có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn, được Ủy ban nhân dân xã P, huyện T, tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 15/02/2016. Vợ chồng chung sống hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không còn hòa hợp, bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cự cãi làm cho

cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, nên tôi yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về quan hệ hôn nhân: cho tôi được ly hôn với ông Phạm Thanh V.

- Về con chung: có 01 con chung tên Phạm Minh K, sinh ngày 17/7/2016, hiện cháu K đang sống chung với ông V, khi ly hôn tôi đồng ý tiếp tục giao con chung cho ông V chăm sóc, nuôi dưỡng, tôi tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000đ.

- Về tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do bận công việc không thể tham gia phiên tòa nên bà T có đơn yêu cầu xin được vắng mặt trong quá trình xét xử.

** Bị đơn ông Phạm Thanh V vắng mặt tại phiên tòa:*

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tổng đạt thông báo thụ lý vụ án nêu rõ yêu cầu của nguyên đơn, đơn khởi kiện, bản tự khai, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo kết quả phiên họp về việc kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng ông V vắng mặt không có lý do và cũng không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu của bà T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được đưa ra xem xét tại phiên tòa, căn cứ lời trình bày của các đương sự tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Xét thấy bà T và ông V do tìm hiểu tiến đến hôn nhân và có đăng ký kết hôn nên được pháp luật công nhận là vợ chồng, bà T xin ly hôn với ông V nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là tranh chấp “Ly hôn” theo quy định tại Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình; Bị đơn ông V có nơi cư trú tại ấp H, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Xét thấy bị đơn ông V đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, đồng thời nguyên đơn bà T có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bà T và ông V.

[3] Về yêu cầu của các bên đương sự: Xét yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà T, Hội đồng xét xử nhận thấy:

3.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Hà Thị Cẩm T và ông Phạm Thanh V chung sống vợ chồng từ năm 2016 có đăng ký kết hôn được Ủy ban nhân dân xã P, huyện T, tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 15/02/2016 là hôn nhân hợp pháp. Bà T trình bày, sau khi cưới vợ chồng chung sống được một thời gian thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng tính tình không còn hòa hợp, nên thường xuyên cự cãi. Mặc dù đã nhiều lần hàn gắn tình cảm vợ chồng

nhưng không được, vợ chồng đã ly thân từ năm 2020 đến nay nên bà T có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông V. Ông Phạm Thanh V đã được Tòa án triệu tập hợp lệ các lần để dự các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, xét xử nhưng ông V vẫn vắng mặt không có lý do, cũng không trình bày ý kiến bằng văn bản đối với yêu cầu xin ly hôn của phía bà T. Xét thấy, mâu thuẫn giữa bà T và ông V đã phát sinh trong thời gian dài nhưng vợ chồng không có biện pháp nào để hàn gắn tình cảm mà mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được từ đó xét thấy yêu cầu xin ly hôn của bà T là có căn cứ theo Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà T, cho bà T được ly hôn với ông V.

3.2. Về con chung: có 01 con chung tên Phạm Minh K, sinh ngày 17/7/2016, hiện con đang sống chung với ông V, cuộc sống sinh hoạt đã ổn định, sau khi ly hôn bà T cũng đồng ý tiếp tục giao con chung cho ông V chăm sóc nuôi dưỡng, bà T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000đ. Xét thấy, yêu cầu về con chung và cấp dưỡng nuôi con của bà T là phù hợp, phía ông V cũng không có ý kiến phản đối về yêu cầu nuôi con và cấp dưỡng của bà T nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

3.3 Về tài sản chung, nợ chung: do bà T khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về án phí: Bà Hà Thị Cẩm T phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm và án phí về cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, 53, 56, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà Hà Thị Cẩm T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Hà Thị Cẩm T được ly hôn với ông Phạm Thanh V.

2. Về con chung: Giao con chung tên Phạm Minh K, sinh ngày 17/7/2016 cho ông Phạm Thanh V tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng.

Bà Hà Thị Cẩm T được quyền tới lui thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được quyền ngăn cản bà T thực hiện quyền này.

3. Về cấp dưỡng: Ghi nhận sự tự nguyện của bà Hà Thị Cẩm T cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.500.000đ (Một triệu năm trăm ngàn đồng). Thời gian thực hiện việc cấp dưỡng ngay khi án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung tròn 18 tuổi.

4. Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Bà Hà Thị Cẩm T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự về cấp dưỡng nuôi con. Bà T đã nộp 300.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0016198 ngày 16/5/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang nên còn phải nộp tiếp 300.000 đồng.

6. Về quyền kháng cáo: Bà Hà Thị Cẩm T, ông Phạm Thanh V được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Cai Lậy;
- Chi cục THADS huyện Cai Lậy;
- Các đương sự;
- UBND xã P, H. T, TG;
- Lưu hồ sơ, án văn.

Phan Thị Kim Thoa

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Huỳnh Văn Thanh Nguyễn Thị Kim Hạnh

Phan Thị Kim Thoa